

**CÔNG TY CỔ PHẦN CỒN RƯỢU HÀ NỘI**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2018**

CÔNG TY CỔ PHẦN CỒN RƯỢU HÀ NỘI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2018

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo soát xét của kiểm toán viên	3
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (Mẫu số B 01a - DN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ (Mẫu số B 02a - DN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (Mẫu số B 03a - DN)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (Mẫu số B 09a - DN)	9

# CÔNG TY CỔ PHẦN CỒN RƯỢU HÀ NỘI

## THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

### Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp Số 0103014424 ngày 06 tháng 12 năm 2006

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 6 tháng 12 năm 2006. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp được sửa đổi gần nhất (lần thứ 9) vào ngày 11 tháng 9 năm 2017.

Tại ngày ký báo cáo tài chính này

Hội đồng Quản trị	Ông Trần Đình Thanh Ông Phạm Trung Kiên Ông Trần Hậu Cường Ông Shivam Misra Ông Lê Việt Dũng Ông Trần Văn Trung	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018) Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018) Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên
Ban Kiểm soát	Bà Phạm Thị Lan Anh Ông Alvaro Andres Cardenas Munoz Bà Vương Tố Uyên Ông Jos Duursema Ông Nguyễn Văn Cương	Trưởng ban Thành viên (miễn nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018) Thành viên (miễn nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018) Thành viên (bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018) Thành viên (bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018)
Ban Giám đốc	Ông Trần Hậu Cường Bà Nguyễn Thị Tư Ông Nguyễn Quốc Hoàn	Phó Giám đốc phụ trách Phó Giám đốc Phó Giám Đốc (bổ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2018)
Người đại diện theo Pháp luật	Ông Trần Đình Thanh	
Trụ sở chính	Số 94 Lò Đúc, Phường Phạm Đình Hổ, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	
Công ty Kiểm toán	Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội	

## CÔNG TY CỔ PHẦN CỒN RƯỢU HÀ NỘI

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Cồn Rượu Hà Nội ("Công ty"), được ủy quyền bởi Hội đồng Quản trị theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 730/NQ-HĐQT ngày 25 tháng 8 năm 2016 chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính giữa niên độ thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018. Trong việc lập các báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

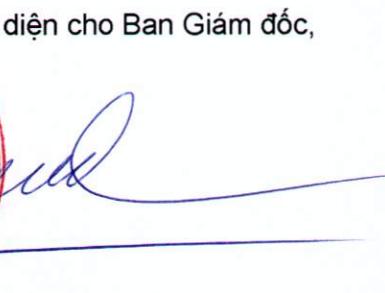
- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập các báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi giả định đơn vị hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập các báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý ngăn ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

### PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm từ trang 5 đến trang 31. Các báo cáo tài chính giữa niên độ này thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Trần Hậu Cường  
Phó Giám đốc phụ trách  
Chữ ký được ủy quyền

Hà Nội, nước CHXHCN Việt Nam  
Ngày 13 tháng 8 năm 2018

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CỒN RƯỢU HÀ NỘI

Chúng tôi đã soát xét các báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cồn Rượu Hà Nội ("Công ty") được lập ngày 30 tháng 6 năm 2018 và được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt ngày 13 tháng 8 năm 2018. Báo cáo tài chính giữa niên độ này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 31.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Theo Thuyết minh số 7 và Thuyết minh số 11 của báo cáo tài chính, tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, giá trị hàng tồn kho chậm luân chuyển đã xử lý và các chi phí liên quan đến việc xử lý phát sinh trong năm 2015 đến năm 2017 là 4.716.649.139 đồng được ghi nhận vào khoản mục "Phải thu ngắn hạn khác". Ngoài ra, các máy móc thiết bị liên quan đến dự án dây chuyền sản xuất cồn khô đã dừng hoạt động từ năm 2012 do sản phẩm không đạt yêu cầu với giá trị là 1.386.092.537 đồng được ghi nhận vào khoản mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang". Đây là những sai sót trọng yếu của năm trước mà Ban Giám đốc không điều chỉnh hồi tố trên báo cáo tài chính. Việc hạch toán này không phù hợp *Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 02 – Hàng tồn kho* và *Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 03 – Tài sản cố định hữu hình*. Theo các Chuẩn mực Kế toán nói trên và theo *Chuẩn mực Kế toán số 29 – Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót*, giá trị khoản mục "Phải thu ngắn hạn khác" và "Chi phí xây dựng dở dang" tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 cần điều chỉnh giảm lần lượt là 4.716.649.139 đồng và 1.386.092.537 đồng, đồng thời "Lỗ sau thuế lũy kế của năm trước" trên Bảng cân đối kế toán tăng lên 6.102.741.676 đồng.

## Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề được mô tả tại đoạn “*Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ*”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khác khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

## Vấn đề cần nhấn mạnh

Theo Thuyết minh số 2.14 của báo cáo tài chính giữa niên độ, tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Ban Giám đốc không ghi nhận dự phòng trợ cấp thôi việc cho người lao động với số tiền là 3.303.684.550 đồng (31/12/2017: 5.024.818.750 đồng) do áp dụng Thông tư số 180/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012. Việc áp dụng Thông tư này dẫn đến sự khác biệt với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 - *Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng*.

## Vấn đề khác

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 chưa được soát xét bởi bất cứ đơn vị kiểm toán độc lập nào.

## Thay mặt và đại diện cho Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội



Nguyễn Phi Lan  
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0573-2018-006-1  
Chữ ký được ủy quyền  
Số hiệu báo cáo soát xét: HAN 2059  
Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2018

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 cho các báo cáo tài chính giữa niên độ, các báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo là không nhằm thể hiện tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và cách thực hành kế toán Việt Nam.

## BÀNG CÂN ĐÓI KÉ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			30.6.2018 VND	31.12.2017 VND Điều chỉnh hồi tố - Thuyết minh 3
100	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>279.452.062.656</b>	<b>375.927.636.010</b>
110	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	4	<b>40.717.751.800</b>	<b>79.829.528.159</b>
111	Tiền		20.717.751.800	6.829.528.159
112	Các khoản tương đương tiền		20.000.000.000	73.000.000.000
120	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	5	<b>20.000.000.000</b>	<b>60.000.000.000</b>
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		20.000.000.000	60.000.000.000
130	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>30.619.613.461</b>	<b>31.333.116.303</b>
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6(a)	23.256.639.620	22.409.231.409
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		3.241.790.075	4.190.712.658
136	Phải thu ngắn hạn khác	7	6.808.027.305	7.971.974.687
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6(b)	(2.686.843.539)	(3.238.802.451)
140	<b>Hàng tồn kho</b>	8	<b>175.659.411.246</b>	<b>192.487.217.714</b>
141	Hàng tồn kho		183.094.529.130	193.301.445.513
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(7.435.117.884)	(814.227.799)
150	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>12.455.286.149</b>	<b>12.277.773.834</b>
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	9(a)	1.321.484.201	1.153.144.181
152	Thuế GTGT được khấu trừ	13(a)	393.053.421	413.448.311
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13(a)	10.740.748.527	10.711.181.342
200	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>259.904.946.477</b>	<b>281.555.991.541</b>
220	<b>Tài sản cố định</b>		<b>222.019.566.937</b>	<b>237.221.238.406</b>
221	Tài sản cố định hữu hình	10(a)	209.016.366.937	224.218.038.406
222	Nguyên giá		748.850.727.986	742.901.211.264
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(539.834.361.049)	(518.683.172.858)
227	Tài sản cố định vô hình	10(b)	13.003.200.000	13.003.200.000
228	Nguyên giá		13.345.079.600	13.345.079.600
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(341.879.600)	(341.879.600)
240	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>1.451.263.496</b>	<b>7.436.402.962</b>
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	1.451.263.496	7.436.402.962
260	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>36.434.116.044</b>	<b>36.898.350.173</b>
261	Chi phí trả trước dài hạn	9(b)	36.434.116.044	36.898.350.173
270	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>539.357.009.133</b>	<b>657.483.627.551</b>

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 31 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính giữa niên độ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CỒN RƯỢU HÀ NỘI

Mẫu số B 01a – DN

## BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày	
			30.6.2018 VND	31.12.2017 VND Điều chỉnh hồi tố - Thuyết minh 3
300	NỢ PHẢI TRẢ		19.930.062.494	98.605.288.465
310	Nợ ngắn hạn		19.550.982.314	98.179.340.215
311	Phải trả người bán ngắn hạn	12	6.920.984.894	4.964.371.814
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		620.142.839	1.689.524.614
313	Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước	13(b)	6.862.451.400	80.045.266.466
314	Phải trả người lao động		1.671.887.812	2.718.174.409
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	14	1.815.839.732	5.257.452.513
318	Doanh thu chưa thực hiện		-	6.000.000
319	Phải trả ngắn hạn khác	15	1.144.284.343	2.355.259.105
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		515.391.294	1.143.291.294
330	Nợ dài hạn		379.080.180	425.948.250
337	Phải trả dài hạn khác		379.080.180	425.948.250
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		519.426.946.639	558.878.339.086
410	Vốn chủ sở hữu		518.955.169.889	557.815.173.336
411	Vốn góp của chủ sở hữu	16	200.000.000.000	200.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		200.000.000.000	200.000.000.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	17	12.920.000	12.920.000
418	Quỹ đầu tư phát triển	17	613.480.582.279	613.480.582.279
421	Lỗ sau thuế lũy kế	17	(294.538.332.390)	(255.678.328.943)
421a	- Lỗ sau thuế lũy kế của các năm trước		(255.678.328.943)	(171.150.360.782)
421b	- Lỗ sau thuế của kỳ này		(38.860.003.447)	(84.527.968.161)
430	Nguồn kinh phí và quỹ khác		471.776.750	1.063.165.750
431	Nguồn kinh phí	19	471.776.750	1.063.165.750
440	TỔNG NGUỒN VỐN		539.357.009.133	657.483.627.551



Đỗ Thành Luân  
Người lập

Nguyễn Như Khuê  
Kế toán trưởng

Trần Hậu Cường  
Phó Giám đốc phụ trách  
Chữ ký được ủy quyền  
Ngày 13 tháng 8 năm 2018

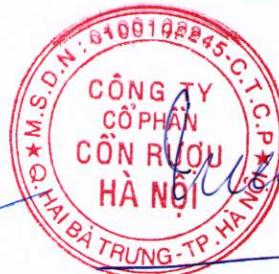
Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 31 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính giữa niên độ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CỒN RƯỢU HÀ NỘI

Mẫu số B 02a – DN

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	Thuyết minh	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày	
		30.6.2018 VND	30.6.2017 VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	71.971.257.198	37.076.532.195
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(1.742.146.902)	(282.796.780)
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	70.229.110.296
11	Giá vốn hàng bán	22	(64.601.430.740)
20	Lợi nhuận/(Lỗ) gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		5.627.679.556
21	Doanh thu hoạt động tài chính	23	3.248.548.234
22	Chi phí tài chính		(113.376)
23	- Trong đó: chi phí lãi vay		-
25	Chi phí bán hàng	24	(27.415.233.058)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(20.364.565.160)
30	Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh		(38.903.683.804)
31	Thu nhập khác		43.680.357
32	Chi phí khác		-
40	Lợi nhuận khác		43.680.357
50	Tổng lỗ kế toán trước thuế		(38.860.003.447)
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	26	-
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-
60	Lỗ sau thuế TNDN		(38.860.003.447)
70	Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	18	(1.943)
			(2.319)



Đỗ Thành Luân  
Người lập

Nguyễn Như Khuê  
Kế toán trưởng

Trần Hậu Cường  
Phó Giám đốc phụ trách  
Chữ ký được ủy quyền  
Ngày 13 tháng 8 năm 2018

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 31 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính giữa niên độ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CỒN RƯỢU HÀ NỘI

Mẫu số B 03a – DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỀN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày	
		30.6.2018 VND	30.6.2017 VND
<b>LƯU CHUYỀN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>Lỗ trước thuế</b> Điều chỉnh cho các khoản: 02 Khấu hao tài sản cố định 03 Các khoản dự phòng 05 Lãi từ hoạt động đầu tư 06 Chi phí lãi vay	(38.860.003.447)	(46.382.823.406)
08	<b>Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	(14.875.566.984)	(30.852.281.190)
09	Giảm các khoản phải thu	1.814.316.857	64.330.714.951
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10.206.916.383	(13.562.299.520)
11	Giảm các khoản phải trả	(76.987.468.549)	(58.870.059.354)
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước	(575.105.891)	261.256.654
14	Tiền lãi vay đã trả	-	(6.017.944)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	-	-
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(591.389.000)	(206.200.000)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	(81.008.297.184)	(38.904.886.403)
<b>LƯU CHUYỀN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(781.134.678)	(796.009.430)
22	Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	505.500.000
23	Chi tiền gửi có kỳ hạn	(20.000.000.000)	(30.000.000.000)
24	Thu tiền gửi có kỳ hạn	60.000.000.000	60.000.000.000
27	Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	2.677.655.503	4.535.565.881
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	41.896.520.825	34.245.056.451
<b>LƯU CHUYỀN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Thu từ vay ngắn hạn, dài hạn	-	5.445.000.000
34	Chi trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu	-	(5.445.000.000)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	-	-
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	(39.111.776.359)	(4.659.829.952)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	4 79.829.528.159	21.751.065.737
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4 40.717.751.800	17.091.235.785

Đỗ Thành Luân  
Người lậpNguyễn Như Khuê  
Kế toán trưởngTrần Hậu Cường  
Phó Giám đốc phụ trách  
Chữ ký được ủy quyền  
Ngày 13 tháng 8 năm 2018

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 31 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính giữa niên độ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHO  
KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2018**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Cồn Rượu Hà Nội ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng đăng ký doanh nghiệp số 0103014424 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 6 tháng 12 năm 2006. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi gần nhất (lần thứ 9) ngày 11 tháng 9 năm 2017.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các loại đồ uống có cồn và các thiết bị vật tư, nguyên liệu phục vụ cho sản xuất rượu và cồn.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty có 234 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 377 nhân viên).

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**2.1 Cơ sở của việc lập các báo cáo tài chính giữa niên độ**

Các báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại Việt Nam. Báo cáo tài chính giữa niên độ được soạn lập theo nguyên tắc giá gốc.

Các báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 chưa được soát xét bởi bất cứ đơn vị kiểm toán độc lập nào.

**2.2 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Kỳ kế toán giữa niên độ 6 tháng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6.

**2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ là Đồng Việt Nam ("VND").

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHO  
KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2018**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**2.4 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

**2.5 Khoản phải thu khách hàng**

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối kỳ. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

**2.6 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng.

**2.7 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được.

**2.8 Tài sản cố định**

*Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

*Khấu hao*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính hoặc theo thời hạn của Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp nếu ngắn hơn. Các thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 25 năm
Máy móc thiết bị	7 – 15 năm
Phương tiện vận tải	6 – 10 năm
Thiết bị quản lý	5 – 10 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

Quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không khấu hao.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHO  
KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2018**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**2.8 Tài sản cố định (tiếp theo)**

*Thanh lý*

Lãi và lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Khảm hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

**2.9 Thuê tài sản**

Thuê hoạt động tài sản cố định là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**2.10 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

**2.11 Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán.

**2.12 Chi phí phải trả**

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

**2.13 Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHO  
KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2018**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**2.14 Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Công ty đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc. Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến trước ngày lập bảng cân đối kế toán này. Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

Công ty không ghi nhận khoản dự phòng trợ cấp thôi việc nêu trên do áp dụng Thông tư số 180/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 và Công văn 3016/TCT-CS do Tổng cục Thuế ban hành ngày 5 tháng 7 năm 2016. Nếu Công ty áp dụng Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, khoản dự phòng trợ cấp thôi việc tại ngày 30 tháng 06 năm 2018 cần phải lập là 3.303.684.550 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cần phải lập là 5.024.818.750 đồng).

**2.15 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

**Thặng dư vốn cổ phần:** là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

**Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối:** phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập Công ty tại thời điểm báo cáo.

**2.16 Phân chia lợi nhuận thuần**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội Đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ như sau:

**(a) Quỹ dự phòng tài chính**

Công ty không tiếp tục trích quỹ dự phòng tài chính. Số dư của quỹ dự phòng tài chính được chuyển vào quỹ đầu tư phát triển.

**(b) Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển kinh doanh được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Đồng cổ đông.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHO  
KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2018**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**2.17 Ghi nhận doanh thu**

**(a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng hàng hóa. Trường hợp Công ty dùng thành phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Công ty thì Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán.

**(b) Doanh thu cho thuê kho**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ đã được cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**(c) Thu nhập lãi**

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

**2.18 Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo.

**2.19 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHO  
KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2018**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**2.20 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

**2.21 Chi phí bán hàng**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm chủ yếu bao gồm các chi phí lương nhân viên bán hàng, chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, chi phí đóng gói và vận chuyển.

**2.22 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê nhà máy; dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

**2.23 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ/năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính giữa niên độ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong kỳ/năm độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

**2.24 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHO  
KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2018**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**2.25 Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Công ty không trình bày báo cáo theo bộ phận kinh doanh vì Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh các loại đồ uống có cồn. Công ty cũng không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý vì Công ty chỉ hoạt động kinh doanh tại Việt Nam.

**3 ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ**

Sau khi phát hành báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, Ban Giám đốc đã thực hiện điều chỉnh hồi tố đối với báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

**Bảng cân đối kế toán (trích dẫn):**

Mã số	Ghi chú	Tại ngày 31/12/2017		
		Theo báo cáo đã phát hành VND	Điều chỉnh hồi tố VND	Sau khi điều chỉnh lại VND
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(814.227.799)	(814.227.799)
100	Tài sản ngắn hạn	<u>376.741.863.809</u>	<u>(814.227.799)</u>	<u>375.927.636.010</u>
270	Tổng tài sản	<u>658.297.855.350</u>	<u>(814.227.799)</u>	<u>657.483.627.551</u>
421a	Lỗ sau thuế lũy kế đến cuối kỳ trước	(170.336.132.983)	(814.227.799)	(171.150.360.782)
421b	Lỗ sau thuế kỳ này	(84.527.968.161)	-	(84.527.968.161)
400	Vốn chủ sở hữu	<u>559.692.566.885</u>	<u>(814.227.799)</u>	<u>558.878.339.086</u>

Điều chỉnh hồi tố này liên quan đến trích lập dự phòng hàng tồn kho cho nhãn rượu và vật tư của dòng rượu Benmore không còn sử dụng được. Công ty đã nhận được bồi thường từ công ty Diageo Brands BV và đã ghi nhận vào Thu nhập khác vào năm 2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN CỒN RƯỢU HÀ NỘI

Mẫu số B 09a - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHO  
KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2018

**4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30.6.2018 VND	31.12.2017 VND
Tiền mặt	340.952.955	621.047.233
Tiền gửi ngân hàng	20.376.798.845	6.208.480.926
Các khoản tương đương tiền (*)	<u>20.000.000.000</u>	<u>73.000.000.000</u>
	<u>40.717.751.800</u>	<u>79.829.528.159</u>

(\*) Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam bằng Đồng Việt Nam và có thời gian đáo hạn là 1 tháng. Lãi suất của các khoản tiền gửi có kỳ hạn này là 4,1%/năm.

**5 ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

	30.6.2018		31.12.2017	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi có kỳ hạn	<u>20.000.000.000</u>	<u>20.000.000.000</u>	<u>60.000.000.000</u>	<u>60.000.000.000</u>

Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam bằng Đồng Việt Nam và có thời gian đáo hạn ban đầu là 18 tháng. Lãi suất của các khoản tiền gửi có kỳ hạn này là 7,1%/năm.

**6 PHẢI THU NGÂN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

**(a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	30.6.2018 VND	31.12.2017 VND
Bên thứ ba	23.256.639.620	22.409.231.409
Trong đó:		
- Công ty TNHH Đầu tư DLTM & Vận tải Thanh Sơn	2.422.807.216	2.465.918.261
- Công ty CP TM & DV TH Đức Thành (*)	3.746.952.773	3.746.952.773
- Công ty TNHH Đại Việt	2.852.790.958	2.861.967.372
- Công ty TNHH MTV Hiền Dũng Mỹ (*)	3.755.842.990	3.755.842.990
- Công ty TNHH TM TH Cát Linh (*)	3.689.970.951	3.689.970.951
- Bên thứ ba khác	<u>6.788.274.732</u>	<u>5.888.579.062</u>
	<u>23.256.639.620</u>	<u>22.409.231.409</u>
Dự phòng phải thu khó đòi (Thuyết minh 6(b))	<u>(2.686.843.539)</u>	<u>(3.238.802.451)</u>
	<u>20.569.796.081</u>	<u>19.170.428.958</u>

(\*) Theo Quyết định số 488/QĐ-HALICO ban hành ngày 16/6/2017 và Quyết định số 193/QĐ-HALICO ban hành ngày 6/3/2018, các nhà phân phối này được gia hạn thanh toán các khoản phải thu đến ngày 31/12/2018. Công ty không lập dự phòng cho các khoản phải thu này vì hai nhà phân phối này có thư bảo lãnh của ngân hàng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHO  
KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2018**

**6 PHẢI THU NGÂN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG (TIẾP THEO)**

**(b) Dự phòng các khoản phải thu khó đòi**

Tại ngày 30/6/2018 và 31/12/2017, các khoản phải thu khách hàng sau đây đã được lập dự phòng phải thu khó đòi:

**30.6.2018**

	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
- Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Phát triển Giáo dục Linh Anh	300.000.000	90.000.000	210.000.000
- Doanh nghiệp tư nhân Lê Thị Hải	309.413.952	-	309.413.952
- Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Quang Anh	2.116.412.499	-	2.116.412.499
- Công ty TNHH XD và phát triển Đông Đô	41.665.614	-	41.665.614
- Công ty TNHH MTV DV Ăn Uống Quán Ghềnh	9.351.474	-	9.351.474
	<b>2.776.843.539</b>	<b>90.000.000</b>	<b>2.686.843.539</b>

**31.12.2017**

	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
- Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Phát triển Giáo dục Linh Anh	300.000.000	90.000.000	210.000.000
- Doanh nghiệp tư nhân Lê Thị Hải	309.413.952	-	309.413.952
- Công ty Cổ phần Nghe nhìn Thăng Long	1.205.952.000	602.976.000	602.976.000
- Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Quang Anh	2.116.412.499	-	2.116.412.499
	<b>3.931.778.451</b>	<b>692.976.000</b>	<b>3.238.802.451</b>

Biến động về dự phòng phải thu khó đòi trong kỳ như sau:

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30.6.2018 VND	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2017 VND
Số dư đầu kỳ	3.238.802.451	702.230.032
Tăng dự phòng	51.017.088	812.976.000
Hoàn nhập dự phòng (*)	(602.976.000)	(392.816.080)
Chuyển từ công ty con do sáp nhập	-	2.116.412.499
Số dư cuối kỳ	<b>2.686.843.539</b>	<b>3.238.802.451</b>

(\*) Trong kỳ, khoản dự phòng phải thu khó đòi đối với Công ty Cổ phần Nghe nhìn Thăng Long được hoàn nhập vì phần lớn số tiền phải thu đã thu hồi được và khoản còn lại đã được đưa vào chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN CỒN RƯỢU HÀ NỘI

Mẫu số B 09a - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHO  
KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2018

7 PHẢI THU NGÂN HẠN KHÁC

	30.6.2018 VND	31.12.2017 VND
Lãi tiền gửi dự thu	558.027.398	1.878.180.555
Chi phí xử lý hàng tồn kho chậm luân chuyển (*)	4.716.649.139	4.716.649.139
Phải thu từ nhà thầu theo kết quả kiểm tra của Kiểm toán Nhà nước (**)	929.840.793	929.840.793
Tạm ứng cho nhân viên	446.712.400	445.132.200
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	60.000.000	-
Bảo hiểm nộp thừa	75.043.417	-
Phải thu khác	21.754.158	2.172.000
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
	6.808.027.305	7.971.974.687
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

(\*) Khoản này là giá trị hàng tồn kho chậm luân chuyển tại ngày 31/12/2014 và chi phí  
đã phát sinh để xử lý hàng tồn kho này trong giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2017.  
Ban Giám đốc chưa đưa chi phí này vào báo cáo kết quả kinh doanh vì đang chờ  
quyết định của Hội đồng Quản trị.

(\*\*) Đây là khoản phải thu hồi từ các nhà thầu với tổng số tiền là 2.224.000.814 đồng theo  
yêu cầu tại Báo cáo kiểm toán Dự án Đầu tư và di dời khu vực sản xuất do Kiểm toán  
Nhà nước phát hành vào tháng 1 năm 2016. Tại ngày 30/6/2018, số tiền còn phải thu  
hồi là 929.840.793 đồng. Ban Giám đốc chưa lập dự phòng cho khoản phải thu này  
vì tin tưởng rằng số tiền phải thu này sẽ thu hồi đầy đủ.

8 HÀNG TỒN KHO

	30.6.2018		31.12.2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng Điều chỉnh hồi tố VND
Nguyên vật liệu tồn kho	74.337.473.679	7.435.117.884	88.456.511.911	814.227.799
Công cụ, dụng cụ trong kho	1.300.251.420	-	634.375.865	-
Chi phí SXKD dở dang	12.428.816.751	-	21.758.586.182	-
Thành phẩm tồn kho	95.027.987.280	-	82.451.971.555	-
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
	183.094.529.130	7.435.117.884	193.301.445.513	814.227.799
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Biến động về dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30.6.2018	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2017	Điều chỉnh hồi tố VND
	VND	VND	
Số dư đầu kỳ	814.227.799	-	
Tăng (*)	6.620.890.085	814.227.799	
Số dư cuối kỳ	7.435.117.884	814.227.799	
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

(\*) Dự phòng trong kỳ tăng do trích lập thêm dự phòng cho các vật tư liên quan đến dòng  
sản phẩm đã dừng sản xuất và các vật tư quá hạn kém chất lượng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CỒN RƯỢU HÀ NỘI

Mẫu số B 09a - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHO  
KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2018

**9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	30.6.2018 VND	31.12.2017 VND
Công cụ, dụng cụ	1.321.484.201	1.153.144.181

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	30.6.2018 VND	31.12.2017 VND
Thiết bị văn phòng	3.231.124.468	3.240.523.095
Tiền phí sử dụng cơ sở hạ tầng (*)	33.202.991.576	33.657.827.078
	<hr/> 36.434.116.044	<hr/> 36.898.350.173

(\*) Đây là tiền phí sử dụng cơ sở hạ tầng liên quan đến lô đất 150.000 m<sup>2</sup> tại Khu Công nghiệp Yên Phong, Bắc Ninh trong thời hạn 48 năm trên cơ sở Hợp đồng thuê lại đất số 22/2005/CTHT-HĐKT ký ngày 8 tháng 6 năm 2005 giữa Công ty Đầu tư Phát triển Hạ tầng và Công ty với mục đích là xây dựng nhà máy sản xuất cồn rượu và Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất số AK 669156. Tiền phí sử dụng cơ sở hạ tầng được phân bổ đều trong thời hạn thuê là 48 năm.

Biến động về chi phí trả trước trong kỳ như sau:

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30.6.2018 VND	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2017 VND
Số dư đầu kỳ	38.051.494.354	22.079.154.842
Tăng	1.529.611.311	7.028.432.421
Chuyển sang từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 11)	871.100.000	-
Phân loại lại từ bất động sản đầu tư	-	17.898.110.502
Phân bổ	<hr/> (2.696.605.420)	<hr/> (8.954.203.411)
Số dư cuối kỳ	<hr/> 37.755.600.245	<hr/> 38.051.494.354

## CÔNG TY CỔ PHẦN CỒN RƯỢU HÀ NỘI

Mẫu số B 09a – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHO  
KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2018

## 10 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH

## (a) Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	195.782.513.561	507.638.813.731	20.428.720.305	19.051.163.667	742.901.211.264
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 11)	3.343.982.821	2.560.170.265	-	-	5.904.153.086
Mua trong kỳ	-	-	-	45.363.636	45.363.636
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	<u>199.126.496.382</u>	<u>510.198.983.996</u>	<u>20.428.720.305</u>	<u>19.096.527.303</u>	<u>748.850.727.986</u>
<b>Khấu hao lũy kế</b>					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	139.309.659.770	346.950.660.875	14.583.142.693	17.839.709.520	518.683.172.858
Khấu hao trong kỳ	4.889.570.922	15.477.023.636	382.504.307	402.089.326	21.151.188.191
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	<u>144.199.230.692</u>	<u>362.427.684.511</u>	<u>14.965.647.000</u>	<u>18.241.798.846</u>	<u>539.834.361.049</u>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	<u>56.472.853.791</u>	<u>160.688.152.856</u>	<u>5.845.577.612</u>	<u>1.211.454.147</u>	<u>224.218.038.406</u>
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	<u>54.927.265.690</u>	<u>147.771.299.485</u>	<u>5.463.073.305</u>	<u>854.728.457</u>	<u>209.016.366.937</u>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình của Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 30/6/2018 là 68.551.122.071 đồng (tại ngày 31/12/2017: 64.475.010.952 đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHO  
KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2018**

**10 TÀI SẢN CỔ ĐỊNH (TIẾP THEO)**

**(b) Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	13.003.200.000	341.879.600	13.345.079.600
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	13.003.200.000	341.879.600	13.345.079.600
<b>Khấu hao lũy kế</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	-	341.879.600	341.879.600
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	-	341.879.600	341.879.600
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	13.003.200.000	-	13.003.200.000
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	13.003.200.000	-	13.003.200.000

(\*) Quyền sử dụng đất liên quan đến thửa đất 2.408 m<sup>2</sup> tại số B1 Khu Tái định cư Thanh Lộc Đán, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng do công ty sử dụng để xây dựng văn phòng, trên cơ sở Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất số H03916 do Ủy ban Nhân dân Quận Thanh Khê Thành phố Đà Nẵng cấp. Công ty không trích khấu hao quyền sử dụng đất này do thời hạn sử dụng đất là lâu dài.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình của Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 30/06/2018 là 341.879.600 đồng (tại ngày 31/12/2017 là 341.879.600 đồng).

**11 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG**

	30.6.2018 VND	31.12.2017 VND
Dự án dây chuyền sản xuất cồn khô (*)	1.386.092.537	1.386.092.537
Dự án đầu tư và di dời khu vực sản xuất sang Yên Phong	-	5.126.339.466
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	65.170.959	923.970.959
	<hr/> <hr/> <hr/> <hr/> <hr/>	<hr/> <hr/> <hr/> <hr/> <hr/>
	1.451.263.496	7.436.402.962
	<hr/> <hr/> <hr/> <hr/> <hr/>	<hr/> <hr/> <hr/> <hr/> <hr/>

(\*) Dự án dây chuyền sản xuất cồn khô bao gồm máy móc thiết bị để sản xuất cồn khô đã được Công ty lắp đặt và chạy thử vào năm 2012. Tuy nhiên, sau đó Công ty đã dừng các hoạt động sản xuất cồn khô do chất lượng sản phẩm chạy thử không đạt yêu cầu. Công ty đang chờ quyết định từ Hội đồng Quản trị về phương án xử lý cho dự án này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CỒN RƯỢU HÀ NỘI

Mẫu số B 09a – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHO  
KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2018

**11 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG (TIẾP THEO)**

Biến động về chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30.6.2018 VND	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2017 VND
Số dư đầu kỳ	7.436.402.962	7.802.322.779
Mua sắm	790.113.620	233.196.701
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 9(b))	(871.100.000)	-
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 10(a))	(5.904.153.086)	(599.116.518)
Số dư cuối kỳ	<u>1.451.263.496</u>	<u>7.436.402.962</u>

**12 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30.6.2018 VND	31.12.2017 VND
Công ty TNHH Thủy tinh San Miguel Yamamura Hải Phòng	1.140.879.168	312.950.000
Công ty TNHH Nhựa Long Thành	970.200.000	-
Công ty ĐTPT HT Viglacera	592.990.002	1.303.408.000
Phải trả nhà cung cấp khác	4.216.915.724	3.348.013.814
	<u>6.920.984.894</u>	<u>4.964.371.814</u>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CỒN RƯỢU HÀ NỘI

Mẫu số B 09a - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHO  
KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2018

## 13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU/ PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản khác phải thu/ phải nộp ngân sách Nhà nước trong kỳ như sau:

	Tại ngày 1.1.2018 VND	Số phải thu trong kỳ VND	Bù trừ với thuế phải nộp VND	Số đã thực thu trong kỳ VND	Số nộp thừa trong kỳ VND	Điều chỉnh giảm VND	Tại ngày 30.6.2018 VND
<b>(a) Phải thu</b>							
Thuế giá trị gia tăng	413.448.311	2.619.553.002	(2.287.566.372)	18.587.616	-	(370.969.136)	393.053.421
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	10.476.877.672	-	-	-	-	-	10.476.877.672
Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập	157.429.112	-	-	-	-	-	157.429.112
Tiền thuế đất	-	-	-	-	29.567.185	-	29.567.185
Các loại thuế khác	76.874.558	-	-	-	-	-	76.874.558
	<u>11.124.629.653</u>	<u>2.619.553.002</u>	<u>(2.287.566.372)</u>	<u>18.587.616</u>	<u>29.567.185</u>	<u>(370.969.136)</u>	<u>11.133.801.948</u>
<b>(b) Phải nộp</b>							
Thuế giá trị gia tăng	2.885.708.728	11.917.585.648	-	(2.287.566.372)	(11.968.588.045)	370.969.137	918.109.096
Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	76.497.292.640	46.018.841.044	-	-	(116.691.800.018)	-	5.824.333.666
Thuế thu nhập cá nhân	653.362.698	212.111.932	(324.521.176)	-	(431.434.416)	-	109.519.038
Tiền thuế đất	-	2.826.723.000	-	-	(2.826.723.000)	-	-
Thuế tài nguyên	8.902.400	56.137.600	-	-	(54.550.400)	-	10.489.600
	<u>80.045.266.466</u>	<u>61.031.399.224</u>	<u>(324.521.176)</u>	<u>(2.287.566.372)</u>	<u>(131.973.095.879)</u>	<u>370.969.137</u>	<u>6.862.451.400</u>

(\*) Dựa trên Báo cáo Kiểm toán Nhà nước vào tháng 2 năm 2016 liên quan đến thuế tiêu thụ đặc biệt trong các năm 2012 đến năm 2015, Công ty ước tính rằng thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong thời gian nói trên sẽ được giảm trừ. Khoản phải thu về thuế thu nhập doanh nghiệp này sẽ được bù trừ vào thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong các năm tiếp theo. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính được ước tính và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CỒN RƯỢU HÀ NỘI

Mẫu số B 09a – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHO  
KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2018

**14 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	30.6.2018 VND	31.12.2017 VND
Chương trình hỗ trợ bán ra cho điểm bán	1.266.323.096	3.157.950.427
Chương trình hỗ trợ thu mua nút chai	-	784.398.000
Chương trình chiết khấu bán hàng	424.920.614	792.829.829
Chi phí vận tải	99.257.582	439.274.257
Chi phí khác	25.338.440	83.000.000
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
	1.815.839.732	5.257.452.513
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**15 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	30.6.2018 VND	31.12.2017 VND
Kinh phí công đoàn	115.794.906	186.137.608
Bảo hiểm xã hội, thất nghiệp và y tế	134.042.105	728.296.770
Phụ cấp cho người lao động	556.827.480	1.324.643.957
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	337.619.852	116.180.770
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
	1.144.284.343	2.355.259.105
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**16 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

**(a) Số lượng cổ phiếu**

	30.6.2018 Cổ phiếu phổ thông	31.12.2017 Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đăng ký	20.000.000	20.000.000
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	20.000.000	20.000.000
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

CÔNG TY CỔ PHẦN CỒN RƯỢU HÀ NỘI

Mẫu số B 09a – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHO  
KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2018

**16 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)**

**(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	30.6.2018		31.12.2017	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Tổng Công ty Bia Rượu Nước Giải Khát Hà Nội	10.858.041	54,29	10.858.041	54,29
Streetcar Investment Holding Pte. Ltd	9.113.513	45,57	9.113.513	45,57
Cổ đông cá nhân khác	28.446	0,14	28.446	0,14
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	20.000.000	100,00	20.000.000	100,00

**(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần**

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	20.000.000	200.000.000.000
Cổ phiếu mới phát hành	-	-
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	20.000.000	200.000.000.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng trên một cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CỒN RƯỢU HÀ NỘI

Mẫu số B 09a – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHO  
KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2018

17 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lỗ sau thuế lũy kế VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	200.000.000.000	12.920.000	613.480.582.279	(171.150.360.782)	642.343.141.497
Lỗ trong năm	-	-	-	(84.527.968.161)	(84.527.968.161)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	200.000.000.000	12.920.000	613.480.582.279	(255.678.328.943)	557.815.173.336
Lỗ trong kỳ	-	-	-	(38.860.003.447)	(38.860.003.447)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	200.000.000.000	12.920.000	613.480.582.279	(294.538.332.390)	518.955.169.889

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHO  
KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2018**

**18 LỖ CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Lỗ cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lỗ thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữa làm cổ phiếu quỹ:

	30.6.2018	30.6.2017
Lỗ thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	<u>(38.860.003.447)</u>	<u>(46.382.823.406)</u>
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	<u>20.000.000</u>	<u>20.000.000</u>
Lỗ cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	<u>(1.943)</u>	<u>(2.319)</u>

**19 NGUỒN KINH PHÍ**

Biến động về nguồn kinh phí trong kỳ như sau:

	30.6.2018 VND	31.12.2017 VND
Nguồn kinh phí chưa sử dụng đầu năm	1.063.165.750	626.793.750
Cấp thêm nguồn kinh phí	-	960.000.000
Sử dụng kinh phí	<u>(591.389.000)</u>	<u>(523.628.000)</u>
Nguồn kinh phí chưa sử dụng cuối năm	<u>471.776.750</u>	<u>1.063.165.750</u>

Đây là nguồn kinh phí Công ty nhận từ Bộ Công Thương để thực hiện Dự án “Sản xuất cồn thực phẩm ở nồng độ chất khô cao từ gạo và sắn quy mô 2.000 lít/mẻ” do Bộ Công thương cấp phép trên cơ sở Hợp đồng số 02/HĐ-SXTN.02.16/CNSHCB ký ngày 19 tháng 1 năm 2016 giữa Công ty và Bộ Công Thương. Nguồn kinh phí sẽ được hai bên tất toán khi dự án hoàn thành và được nghiệm thu.

**20 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ 43.960 Đô la Mỹ và 1.545 Euro (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 72.842 Đô la Mỹ và 1.545 Euro).

CÔNG TY CỔ PHẦN CỒN RƯỢU HÀ NỘI

Mẫu số B 09a - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHO  
KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2018

21 DOANH THU THUẦN

	Từ 1.1.2018 đến 30.6.2018 VND	Từ 1.1.2017 đến 30.6.2017 VND
<b>Doanh thu</b>		
Doanh thu bán hàng hóa	70.584.684.471	35.730.710.851
Doanh thu cho thuê kho	1.386.572.727	1.345.821.344
	<hr/>	<hr/>
	71.971.257.198	37.076.532.195
	<hr/>	<hr/>
<b>Các khoản giảm trừ</b>		
Chiết khấu thương mại	1.742.146.902	282.796.780
	<hr/>	<hr/>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu thuần bán hàng hóa	68.842.537.569	35.447.914.071
Doanh thu thuần cho thuê kho	1.386.572.727	1.345.821.344
	<hr/>	<hr/>
	70.229.110.296	36.793.735.415
	<hr/>	<hr/>

22 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 1.1.2018 đến 30.6.2018 VND	Từ 1.1.2017 đến 30.6.2017 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	57.980.540.655	38.825.470.165
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	6.620.890.085	814.227.799
	<hr/>	<hr/>
	64.601.430.740	39.639.697.964
	<hr/>	<hr/>

23 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 1.1.2018 đến 30.6.2018 VND	Từ 1.1.2017 đến 30.6.2017 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.235.682.901	4.526.288.181
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	12.865.333	25.412.072
	<hr/>	<hr/>
	3.248.548.234	4.551.700.253
	<hr/>	<hr/>

CÔNG TY CỔ PHẦN CỒN RƯỢU HÀ NỘI

Mẫu số B 09a - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHO  
KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2018

**24 CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Từ 1.1.2018 đến 30.6.2018 VND	Từ 1.1.2017 đến 30.6.2017 VND
Chi phí nhân viên	13.099.743.290	11.505.033.970
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.137.517.062	1.030.505.269
Chi phí khấu hao tài sản cố định	739.240.890	739.240.889
Chi phí hỗ trợ điểm bán	6.991.999.799	7.097.092.008
Chi phí vận chuyển	1.770.348.712	2.420.052.034
Chi phí giới thiệu sản phẩm	1.362.516.493	1.685.885.313
Chi phí khác	2.313.866.812	3.207.536.750
	<b>27.415.233.058</b>	<b>27.685.346.233</b>

**25 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 1.1.2018 đến 30.6.2018 VND	Từ 1.1.2017 đến 30.6.2017 VND
Chi phí lương và phụ cấp cho nhân viên	6.953.373.912	8.403.533.407
Chi phí công cụ, dụng cụ	593.416.518	1.360.289.711
Chi phí khấu hao tài sản cố định	736.732.779	896.596.825
Chi phí thuê đất	2.826.794.382	2.079.300.565
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.315.521.957	1.718.608.019
Chi phí trợ cấp mất việc làm (*)	5.410.237.500	-
Chi phí khác	2.528.488.112	6.183.791.493
	<b>20.364.565.160</b>	<b>20.642.120.020</b>

(\*) Theo Quyết định số 738/QĐ-HALICO ban hành ngày 31/5/2018, Công ty chi trả trợ cấp cho nhân viên mất việc làm do Công ty thay đổi cơ cấu lao động.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHO  
KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2018**

**26 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	Từ 1.1.2018 đến 30.6.2018 VND	Từ 1.1.2017 đến 30.6.2017 VND
Lỗ kế toán trước thuế	(38.860.003.447)	(46.382.823.406)
Thuế tính ở thuế suất 20%	(7.772.000.689)	(9.276.564.681)
Điều chỉnh:		
- Chi phí không được khấu trừ	480.773.539	653.310.779
- Lỗ tính thuế mà không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại	7.291.227.150	8.623.253.902
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	-	-

(\*) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc và sự kiểm tra của cơ quan thuế.

Các khoản lỗ tính thuế có thể được chuyển sang để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai trong vòng 5 năm liên tiếp kể từ năm ngay sau năm phát sinh lỗ. Số lỗ thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính. Các khoản lỗ ước tính có thể bù trừ vào thu nhập chịu thuế trong tương lai của Công ty như sau:

Kỳ phát sinh lỗ	Tình trạng kiểm tra của các cơ quan thuế	Số lỗ phát sinh	Số lỗ tính thuế đã được sử dụng	Số lỗ còn được chuyển sang các kỳ tính thuế sau VND
31.12.2015	Đã quyết toán	44.438.375.064	-	44.438.375.064
31.12.2016	Đã quyết toán	19.415.356.115	-	19.415.356.115
31.12.2017	Chưa quyết toán	74.765.166.240	-	74.765.166.240
30.6.2018	Chưa quyết toán	36.456.135.750	-	36.456.135.750

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản lỗ tính thuế trên vì khả năng Công ty có thu nhập chịu thuế trong tương lai để bù trừ với những khoản lỗ tính thuế này được đánh giá là không chắc chắn.

**27 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YÊU TỐ**

	Từ 1.1.2018 đến 30.6.2018 VND	Từ 1.1.2017 đến 30.6.2017 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	37.740.364.985	46.435.326.168
Chi phí lương và phụ cấp cho nhân viên	33.823.984.708	29.435.528.414
Chi phí khấu hao tài sản cố định	21.151.188.191	20.565.590.153
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.536.198.543	8.993.127.417
Chi phí khác	15.375.738.825	17.887.651.582
	115.627.475.252	123.317.223.734

CÔNG TY CỔ PHẦN CỒN RƯỢU HÀ NỘI

Mẫu số B 09a - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHO  
KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2018

28 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong kỳ, các giao dịch sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	Từ 1.1.2018 đến 30.6.2018 VND	Từ 1.1.2017 đến 30.6.2017 VND
<b>Doanh thu bán hàng và dịch vụ</b>		
Công ty TNHH MTV Thương Mại Habeco	132.000.000	396.000.000
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội – Hải Dương	18.366.720	-
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội – Hải Phòng	36.000.000	-
	<u>186.366.720</u>	<u>396.000.000</u>
<b>Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt</b>		
Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt	<u>1.153.336.677</u>	<u>1.114.528.106</u>
<b>(b) Sô dư cuối kỳ với các bên liên quan</b>		
	30.6.2018 VND	31.12.2017 VND
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>		
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Hải Phòng	<u>-</u>	<u>18.000.000</u>

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được Ban Giám đốc phê chuẩn ngày 13 tháng 8 năm 2018.

Đỗ Thành Luân  
Người lập

Nguyễn Như Khuê  
Kế toán trưởng

Trần Hậu Cường  
Phó Giám đốc phụ trách  
Chữ ký được ủy quyền

